

CHẾ ĐỊNH GIÁM ĐỊNH TRONG BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2015

NGUYỄN CAO CƯỜNG*

Trước khi Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 được ban hành, chế định giám định trong tố tụng hình sự Việt Nam còn sơ sài, nhiều tồn tại và vướng mắc, ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Nhằm đáp ứng yêu cầu hoàn thiện chế định giám định tư pháp thể hiện trong Nghị quyết của Đảng⁽¹⁾, khắc phục tồn tại, vướng mắc qua thực tiễn thi hành BLTTHS năm 2003, BLTTHS năm 2015 đã có nhiều sửa đổi, bổ sung về chế định giám định. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi phân tích những điểm sửa đổi, bổ sung cơ bản của BLTTHS năm 2015 so với Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về chế định giám định.

Từ khóa: Giám định, trung cầu giám định, yêu cầu giám định, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Prior to the promulgation of the Criminal Procedure Code (CPC) in 2015, the institutions on expert examination in the Vietnamese criminal proceedings still remained plenty of sketchy contents, together with many problems and obstacles, which directly affects the mission of crime prevention and combat. So as to meet the requirement of improving the judicial assessment claimed on the Party's Resolutions and to overcome existing difficulties in the practical application of the CPC in 2003, the institutions on expert examination in the CPC in 2015 have already been significantly supplemented and amended. In a nutshell, the author would prefer to analyze the key supplements and amendments in the 2015 CPC compared to the one in 2003.

Keywords: Expert examination, requisition for expert examination, Petition for expert examination, competent procedural authority.

1. Trung cầu giám định

Điều 205 BLTTHS năm 2015 về trung cầu giám định có một số điểm sửa đổi, bổ sung so với Điều 155 BLTTHS năm 2003 như sau:

(i) Ngoài việc quy định thẩm quyền quyết định trung cầu giám định của cơ quan tiến hành tố tụng như BLTTHS năm 2003 (khoản 1 Điều 155), BLTTHS năm 2015 còn bổ sung thêm cho cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thẩm quyền này (khoản 1 Điều 205).

(ii) BLTTHS năm 2003 (khoản 2 Điều 155) quy định nội dung của quyết định

trung cầu giám định còn đơn giản, chưa đầy đủ. Nay, BLTTHS năm 2015 (khoản 2 Điều 205) đã quy định tương đối đầy đủ các nội dung của quyết định trung cầu giám định, gồm: tên cơ quan trung cầu giám định; họ tên người có thẩm quyền trung cầu giám định (điểm a); tên tổ chức, họ tên

* Viện Kiểm sát nhân dân huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên – Huế

¹ Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính Trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 nêu rõ: “Hoàn thiện chế định giám định tư pháp... Quy định chặt chẽ, rõ ràng về trình tự, thủ tục, thời hạn trung cầu giám định và thực hiện giám định... bảo đảm đúng đắn, khách quan để làm căn cứ giải quyết vụ việc.

người được trưng cầu giám định (điểm b); tên và đặc điểm của đối tượng cần giám định (điểm c); tên tài liệu có liên quan hoặc mẫu so sánh gửi kèm theo (nếu có) (điểm d); nội dung yêu cầu giám định (điểm đ); ngày, tháng, năm trưng cầu giám định và thời hạn trả kết luận giám định (điểm e).

(iii) Khoản 3 Điều 205 BLTTHS năm 2015 được bổ sung quy định: *“Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ra quyết định trưng cầu giám định, cơ quan trưng cầu giám định phải giao hoặc gửi quyết định trưng cầu giám định, hồ sơ, đối tượng trưng cầu giám định cho tổ chức, cá nhân thực hiện giám định; gửi quyết định trưng cầu giám định cho Viện kiểm sát có thẩm quyền thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra.”* Sự bổ sung này bảo đảm việc tiến hành giám định được thực hiện nhanh chóng và cũng để Viện kiểm sát thực hiện tốt hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc trưng cầu giám định.

2. Các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định

Trước đây, các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định được quy định tại khoản 3 Điều 155 BLTTHS năm 2003. Ngày nay, BLTTHS năm 2015 bổ sung 01 điều luật mới (Điều 206) quy định về vấn đề này. Theo đó, ngoài việc kế thừa các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định của BLTTHS năm 2003, BLTTHS năm 2015 còn bổ sung thêm một số trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định, đó là: khi cần xác định tình trạng tâm thần của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ khi có sự nghi ngờ về năng lực trách nhiệm hình sự của họ⁽¹⁾; xác định vũ khí quân dụng, vật

liệu nổ, chất cháy, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, đồ cổ; xác định mức độ ô nhiễm môi trường. Việc mở rộng các trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định là cần thiết, bảo đảm đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả trong điều kiện phát triển mạnh mẽ của kinh tế thị trường, khoa học – kỹ thuật...

3. Yêu cầu giám định

Điều 207 BLTTHS năm 2015 về yêu cầu giám định là quy định hoàn toàn mới so với BLTTHS năm 2003, có nội dung:

“1. Đương sự hoặc người đại diện của họ có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trưng cầu giám định những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ, trừ trường hợp việc giám định liên quan đến việc xác định trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan tiến hành tố tụng phải xem xét, ra quyết định trưng cầu giám định. Trường hợp không chấp nhận đề nghị thì thông báo cho người đã đề nghị giám định biết bằng văn bản và nêu rõ lý do. Hết thời hạn này hoặc kể từ ngày nhận được thông báo từ chối trưng cầu giám định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thì người đề nghị giám định có quyền tự mình yêu cầu giám định.

2. Người yêu cầu giám định có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật giám định tư pháp.”

(i) Một điểm mới quan trọng của BLTTHS năm 2015 là quy định quyền của đương sự hoặc người đại diện của họ tự mình yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện giám định sau khi đã đề nghị cơ quan có bắt, người bị tạm giữ.

¹ Thuật ngữ “người bị buộc tội” tại khoản 1 Điều 206 BLTTHS năm 2015 không những gồm bị can, bị cáo mà còn cả người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị

thẩm quyền tiến hành tố tụng trung cầu giám định mà không được chấp nhận (khoản 1 Điều 207). Quy định quyền này là nhằm bảo đảm cho đương sự hoặc người đại diện của họ có điều kiện thu thập chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, phù hợp với quy định của Luật giám định tư pháp.

BLTTHS năm 2015 quy định quyền yêu cầu giám định của đương sự hoặc người đại diện của họ nhưng chưa có quy định về nội dung văn bản yêu cầu giám định và thủ tục yêu cầu giám định nên vấn đề này được thực hiện theo quy định của Luật giám định tư pháp năm 2012.

(ii) Khoản 2 Điều 207 BLTTHS năm 2015 quy định: “Người yêu cầu giám định có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật giám định tư pháp.”.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Luật giám định tư pháp năm 2012 thì “Người yêu cầu giám định là người có quyền tự mình yêu cầu giám định sau khi đã đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trung cầu giám định mà không được chấp nhận. Người có quyền tự mình yêu cầu giám định bao gồm... nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ, trừ trường hợp việc yêu cầu giám định liên quan đến việc xác định trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo.”.

BLTTHS năm 2015 không quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của người yêu cầu giám định mà dẫn chiếu đến Luật giám định tư pháp. Theo quy định của Điều 22 Luật giám định tư pháp năm 2012 thì người yêu cầu giám định có các quyền

và nghĩa vụ sau: “1. Người yêu cầu giám định có quyền gửi văn bản yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trung cầu giám định. Trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng không chấp nhận yêu cầu thì trong thời hạn 07 ngày phải thông báo cho người yêu cầu giám định bằng văn bản. Hết thời hạn nói trên hoặc kể từ ngày nhận được thông báo từ chối trung cầu giám định, người yêu cầu giám định có quyền tự mình yêu cầu giám định. 2. Người yêu cầu giám định có quyền: a) Yêu cầu cá nhân, tổ chức thực hiện giám định tư pháp trả kết luận giám định đúng thời hạn đã thỏa thuận và theo nội dung đã yêu cầu; b) Yêu cầu cá nhân, tổ chức đã thực hiện giám định tư pháp giải thích kết luận giám định; c) Đề nghị Tòa án triệu tập người giám định tư pháp đã thực hiện giám định tham gia phiên tòa để giải thích, trình bày về kết luận giám định; d) Yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trung cầu giám định lại; yêu cầu giám định bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật này. 3. Người yêu cầu giám định tư pháp có nghĩa vụ: a) Cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến đối tượng giám định theo yêu cầu của người giám định tư pháp và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, tài liệu do mình cung cấp; b) Nộp tạm ứng chi phí giám định tư pháp khi yêu cầu giám định; thanh toán kịp thời, đầy đủ chi phí giám định cho cá nhân, tổ chức thực hiện giám định khi nhận kết luận giám định. 4. Người yêu cầu giám định chỉ được thực hiện quyền tự yêu cầu giám định trước khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm.”

(iii) Qua nghiên cứu quy định mới của BLTTHS năm 2015 về yêu cầu giám định, chúng tôi thấy rằng quy định này có hạn chế như sau: BLTTHS năm 2015 thiếu

vắng quy định về trách nhiệm xem xét, quyết định trưng cầu giám định của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Trong khi quy định đương sự hoặc người đại diện của họ có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng⁽¹⁾ trưng cầu giám định, thì BLTTHS năm 2015 lại chỉ đặt ra trách nhiệm xem xét, ra quyết định trưng cầu giám định cho cơ quan tiến hành tố tụng là chưa đầy đủ, vì thiếu quy định về trách nhiệm xem xét, quyết định trưng cầu giám định của cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra (khoản 1 Điều 207).

Ngoài ra, có sự không thống nhất trong quy định của BLTTHS năm 2015 (khoản 1 Điều 207) và Luật giám định tư pháp năm 2012 (khoản 1 Điều 22). *Thứ nhất*, Điều 207 BLTTHS năm 2015 quy định đương sự hoặc người đại diện của họ có quyền “đề nghị” còn Điều 22 Luật giám định tư pháp lại quy định cho họ quyền “yêu cầu”. *Thứ hai*, Điều 207 BLTTHS năm 2015 hạn chế quyền đề nghị trưng cầu giám định của đương sự hoặc người đại diện của họ trong trường hợp việc giám định liên quan đến việc xác định trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội. Trong khi đó, Điều 22 Luật giám định tư pháp lại chỉ hạn chế quyền này của đương sự hoặc người đại diện của họ trong trường hợp việc giám định liên quan đến việc xác định trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo, mà không hạn chế với người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt, người bị tạm giữ.

Nhằm bảo đảm tính thống nhất của pháp luật, trong thời gian tới khi tiến hành sửa đổi Luật giám định tư pháp, theo chúng tôi cần sửa đổi quy định liên quan của Luật giám định tư pháp theo hướng phù hợp với nội dung tại Điều 207 BLTTHS năm 2015.

4. Thời hạn giám định

Trước đây, BLTTHS năm 2003 (khoản 2 Điều 156) mới chỉ quy định: “*Trong trường hợp việc giám định không thể tiến hành theo thời hạn mà cơ quan trưng cầu giám định yêu cầu thì cơ quan giám định hoặc người giám định phải thông báo ngay bằng văn bản và nêu rõ lý do cho cơ quan đã trưng cầu giám định biết*” mà chưa có quy định rõ về thời hạn giám định. Thực tiễn cho thấy, do chưa có quy định về thời hạn giám định, trong khi thời hạn điều tra, truy tố, xét xử được quy định cụ thể theo từng loại tội phạm dẫn đến nhiều trường hợp Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát vi phạm thời hạn tố tụng và việc giải quyết vụ án bị kéo dài do phải chờ kết luận giám định⁽²⁾. Khắc phục hạn chế của BLTTHS năm 2003, BLTTHS năm 2015 đã bổ sung 01 điều luật mới (Điều 208) quy định cụ thể, rõ ràng, hợp lý thời hạn giám định đối với từng nhóm các vấn đề cần trưng cầu giám định, thời hạn giám định đối với các trường hợp khác, thời hạn giám định bổ sung hoặc giám định lại. Cụ thể:

(i) Thời hạn giám định đối với trường hợp bắt buộc phải trưng cầu giám định:

- Không quá 03 tháng đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 206 của BLTTHS

¹ Theo điểm a khoản 1 Điều 4 BLTTHS năm 2015 thì Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng gồm cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

² Lê Hữu Thế, Đỗ Văn Dương, Nguyễn Thị Thùy (2013), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.222

năm 2015. Đó là trường hợp: Xác định tình trạng tâm thần của người bị buộc tội khi có sự nghi ngờ về năng lực trách nhiệm hình sự của họ; tình trạng tâm thần của người làm chứng hoặc bị hại khi có sự nghi ngờ về khả năng nhận thức, khả năng khai báo đúng đắn về những tình tiết của vụ án.

- Không quá 01 tháng đối với trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 6 Điều 206 của BLTTHS năm 2015. Đó là trường hợp: Xác định nguyên nhân chết người (khoản 3) và xác định mức độ ô nhiễm môi trường (khoản 6).

- Không quá 09 ngày đối với trường hợp quy định tại các khoản 2, 4 và 5 Điều 206 BLTTHS năm 2015. Đó là trường hợp: Xác định tuổi của bị can, bị cáo, bị hại (khoản 2); Tính chất thương tích, mức độ tổn hại sức khỏe hoặc khả năng lao động (khoản 4); Chất ma túy, vũ khí quân dụng, vật liệu nổ, chất cháy, chất độc, chất phóng xạ, tiền giả, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, đồ cổ (khoản 5).

(ii) Thời hạn giám định đối với các trường hợp khác thực hiện theo quyết định trưng cầu giám định. Theo quy định này thì BLTTHS năm 2015 giao việc quyết định thời hạn giám định đối với các trường hợp khác¹ (Chẳng hạn như khi cần xác định công cụ gây ra dấu vết, người ký văn bản, con dấu thật hay giả...) cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Trong quyết định trưng cầu giám định, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải nêu rõ thời hạn giám định và cá nhân, tổ chức được trưng cầu giám định có trách nhiệm tiến hành giám định trong thời hạn đó.

(iii) Trường hợp việc giám định không thể tiến hành trong thời hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 208 BLTTHS năm 2015 thì tổ chức, cá nhân tiến hành giám định phải kịp thời thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do cho cơ quan trưng cầu, người yêu cầu giám định.

(iv) Thời hạn giám định quy định tại Điều 208 BLTTHS năm 2015 cũng áp dụng đối với trường hợp giám định bổ sung, giám định lại.

5. Tiến hành giám định

Cả BLTTHS năm 2015 và BLTTHS năm 2003 đều có quy định về tiến hành giám định. Cụ thể: Điều 156 BLTTHS năm 2003 quy định “1. Việc giám định có thể tiến hành tại cơ quan giám định hoặc tại nơi tiến hành điều tra vụ án ngay sau khi có quyết định trưng cầu giám định. Điều tra viên, Kiểm sát viên có quyền tham dự giám định, nhưng phải báo trước cho người giám định biết. 2. Trong trường hợp việc giám định không thể tiến hành theo thời hạn mà cơ quan trưng cầu giám định yêu cầu thì cơ quan giám định hoặc người giám định phải thông báo ngay bằng văn bản và nêu rõ lý do cho cơ quan đã trưng cầu giám định biết”. Nay, Điều 209 BLTTHS năm 2015 quy định: “1. Việc giám định có thể tiến hành tại cơ quan giám định hoặc tại nơi tiến hành điều tra vụ án ngay sau khi có quyết định trưng cầu, yêu cầu giám định. Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, người yêu cầu giám định có thể tham dự giám định nhưng phải báo trước cho người giám định biết. 2. Việc giám định do cá nhân hoặc do tập thể thực hiện.”

So sánh với Điều 156 BLTTHS năm 2003, thì Điều 209 BLTTHS năm 2015 có một số điểm mới sau:

¹ Các trường hợp khác ở đây là các trường hợp ngoài quy định tại Điều 206 BLTTHS năm 2015.

(i) Nếu quy định về tiến hành giám định của Điều 156 BLTTHS năm 2003 chỉ áp dụng cho trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng trưng cầu giám định, thì Điều 209 BLTTHS năm 2015 về tiến hành giám định còn áp dụng cho cả trường hợp cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trưng cầu giám định và trường hợp đương sự hoặc người đại diện của họ yêu cầu giám định.

(ii) Điều 209 BLTTHS năm 2015 đã mở rộng chủ thể có quyền tham dự giám định, chẳng những Điều tra viên, Kiểm sát viên mà Thẩm phán, người yêu cầu giám định cũng có thể tham dự giám định.

(iii) BLTTHS năm 2015 không còn giữ quy định của khoản 2 Điều 156 BLTTHS năm 2003 trong Điều 209 nữa mà đã chuyển quy định này sang Điều 208 (Thời hạn giám định) để đảm bảo sự phù hợp giữa tên gọi và nội dung của điều luật. Giờ đây, khoản 2 Điều 209 là quy định mới với nội dung: “Việc giám định do cá nhân hoặc do tập thể thực hiện”.

Về giám định cá nhân, giám định tập thể được quy định tại Điều 28 Luật giám định tư pháp năm 2012, theo đó: “1. Giám định cá nhân là việc giám định do 01 người thực hiện. Giám định tập thể là việc giám định do 02 người trở lên thực hiện. 2. Trong trường hợp giám định cá nhân thì người giám định thực hiện việc giám định, ký vào bản kết luận giám định và chịu trách nhiệm cá nhân về kết luận giám định đó. 3. Trong trường hợp giám định tập thể về một lĩnh vực chuyên môn thì những người giám định cùng thực hiện việc giám định, ký vào bản kết luận giám định chung và cùng chịu trách nhiệm về

kết luận giám định đó; nếu có ý kiến khác thì giám định viên ghi ý kiến của mình vào bản kết luận giám định và chịu trách nhiệm về ý kiến đó. Trường hợp giám định tập thể thuộc nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau thì mỗi người giám định thực hiện phần việc giám định thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình và chịu trách nhiệm cá nhân về phần kết luận giám định đó.”

6. Giám định bổ sung và giám định lại

Trước đây, BLTTHS năm 2003 quy định giám định bổ sung hoặc giám định lại trong cùng một điều luật (Điều 159). Nhưng nay, BLTTHS năm 2015 quy định giám định bổ sung và giám định lại trong 02 điều luật, đó là Điều 210 (Giám định bổ sung) và Điều 211 (Giám định lại). Về nội dung, thì BLTTHS năm 2015 cũng đã có những sửa đổi, bổ sung so với BLTTHS năm 2003 như sau:

(i) Về giám định bổ sung:

Việc giám định bổ sung được quy định tại khoản 1, 3 Điều 159 BLTTHS năm 2003 như sau: “1. Việc giám định bổ sung được tiến hành trong trường hợp nội dung kết luận giám định chưa rõ, chưa đầy đủ hoặc khi phát sinh những vấn đề mới liên quan đến những tình tiết của vụ án đã được kết luận trước đó... 3. Việc giám định bổ sung hoặc giám định lại được tiến hành theo thủ tục chung quy định tại các điều 155, 156, 157 và 158 của Bộ luật này”. Vấn đề đặt ra ở đây là, việc giám định bổ sung do tổ chức, cá nhân đã giám định hay phải là tổ chức, cá nhân khác thực hiện. Chỉ với quy định của BLTTHS năm 2003, chúng ta chưa có câu trả lời. Thực tiễn giải quyết các vụ án hình sự, cơ quan tiến hành tố tụng đã trưng cầu

tổ chức, cá nhân đã giám định hoặc tổ chức, cá nhân khác thực hiện việc giám định bổ sung. Nay, ngoài việc kế thừa các trường hợp được tiến hành giám định bổ sung của BLTTHS 2003, BLTTHS năm 2015 (khoản 2 Điều 210) bổ sung quy định mới với nội dung: “Việc giám định bổ sung có thể do tổ chức, cá nhân đã giám định hoặc tổ chức, cá nhân khác thực hiện”. Sự bổ sung này là để khắc phục hạn chế của BLTTHS năm 2003 như đã phân tích trên.

(ii) Về giám định lại

Việc giám định lại được quy định tại khoản 2, 3 Điều 159 BLTTHS năm 2003 như sau: “2. Việc giám định lại được tiến hành khi có nghi ngờ về kết quả giám định hoặc có mâu thuẫn trong các kết luận giám định về cùng một vấn đề cần giám định. Việc giám định lại phải do người giám định khác tiến hành. 3. Việc giám định bổ sung hoặc giám định lại được tiến hành theo thủ tục chung quy định tại các điều 155, 156, 157 và 158 của Bộ luật này”. Vấn đề đặt ra ở đây là, nếu có sự mâu thuẫn giữa kết luận giám định lần đầu và kết luận giám định lại về cùng một nội dung giám định thì phải giải quyết thế nào? Kết luận giám định lại có được dùng làm chứng cứ để giải quyết vụ án hay không? Chỉ với quy định này, BLTTHS năm 2003 chưa có câu trả lời.

Khắc phục hạn chế trên, BLTTHS năm 2015 đã bổ sung quy định mới với nội dung: “Trường hợp có sự khác nhau giữa kết luận giám định lần đầu và kết luận giám định lại về cùng một nội dung giám định thì việc giám định lại lần thứ hai do người trưng cầu giám định quyết định. Việc giám định lại lần

thứ hai phải do Hội đồng giám định thực hiện theo quy định của Luật giám định tư pháp” (khoản 3 Điều 211).

Về Hội đồng giám định, Luật giám định tư pháp năm 2012 tại khoản 1 Điều 30 quy định: “Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quản lý về lĩnh vực cần giám định quyết định thành lập Hội đồng để thực hiện giám định lại lần thứ hai. Hội đồng giám định gồm có ít nhất 03 thành viên là những người có chuyên môn cao và có uy tín trong lĩnh vực cần giám định. Hội đồng giám định hoạt động theo cơ chế giám định tập thể quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật này.”

7. Giám định trong trường hợp đặc biệt

Điều 212 về giám định lại trong trường hợp đặc biệt là quy định mới được bổ sung vào BLTTHS năm 2015 với nội dung: “Trường hợp đặc biệt, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định việc giám định lại sau khi đã có kết luận của Hội đồng giám định. Việc giám định lại trong trường hợp đặc biệt phải do Hội đồng mới thực hiện, những người đã tham gia giám định trước đó không được giám định lại. Kết luận giám định lại trong trường hợp này được sử dụng để giải quyết vụ án.”

Ở đây, kết luận của Hội đồng giám định được nói đến chính là kết luận giám định lại lần thứ hai. Khi đã có kết luận giám định lại lần thứ hai của Hội đồng giám định thì không được trưng cầu, thực hiện giám định lại nữa, trừ trường hợp đặc biệt do Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định. Việc giám định lại trong trường hợp đặc biệt phải do Hội đồng mới

thực hiện, những người đã tham gia giám định trước đó không được giám định lại. Kết luận giám định lại trong trường hợp này được sử dụng để giải quyết vụ án.

8. Quyền của bị can, bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác đối với kết luận giám định

Điều 158 BLTTHS năm 2003 quy định: “1. Sau khi đã tiến hành giám định, nếu bị can, những người tham gia tố tụng khác yêu cầu thì cơ quan đã trưng cầu giám định phải thông báo cho họ về nội dung kết luận giám định. Bị can, những người tham gia tố tụng khác được trình bày những ý kiến của mình về kết luận giám định, yêu cầu giám định bổ sung hoặc giám định lại. Những việc này được ghi vào biên bản. 2. Trong trường hợp Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không chấp nhận yêu cầu của bị can, những người tham gia tố tụng khác thì phải nêu rõ lý do và thông báo cho họ biết.”

Nay, Điều 214 BLTTHS năm 2015 quy định: “1. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị trưng cầu giám định của bị can, bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải xem xét, ra quyết định trưng cầu giám định. 2. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được kết luận giám định thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thông báo kết luận giám định cho bị can, bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác có liên quan. 3. Bị can, bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác có quyền trình bày ý kiến của mình về kết luận giám định; đề nghị giám định bổ sung hoặc giám định lại. Trường hợp họ trình bày trực tiếp thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải lập biên bản. 4. Trường hợp Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án không

chấp nhận đề nghị của bị can, bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác thì phải thông báo cho người đề nghị bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

So với BLTTHS năm 2003 (Điều 158), thì BLTTHS năm 2015 (Điều 214) đã có một số sửa đổi, bổ sung như sau:

(i) BLTTHS năm 2015 bổ sung quy định về thời hạn, trách nhiệm xem xét, ra quyết định trưng cầu giám định của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khi nhận được đề nghị trưng cầu giám định của bị can, bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác⁽¹⁾ (khoản 1 Điều 214). Sự bổ sung này là cần thiết, nhưng việc BLTTHS năm 2015 đưa quy định này vào Điều 214 là không hợp lý, bởi lẽ điều luật này chỉ quy định về “Quyền của bị can, bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác đối với kết luận giám định”.

Ngoài ra, dường như có sự khác nhau giữa khoản 1 Điều 214 và khoản 1 Điều 207 của BLTTHS năm 2015 trong quy định về việc xem xét đề nghị trưng cầu giám định của đương sự hoặc người đại diện của họ. Trong khi khoản 1 Điều 214 BLTTHS năm 2015 đặt ra trách nhiệm xem xét đề nghị trưng cầu giám định cho cả cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, thì khoản 1 Điều 207 BLTTHS năm 2015 lại chỉ quy định trách nhiệm này cho cơ quan tiến hành tố tụng.

(ii) BLTTHS năm 2003 quy định nếu bị can, những người tham gia tố tụng khác yêu cầu thì cơ quan đã trưng cầu giám định mới phải thông báo cho họ về nội dung kết luận giám định, nếu họ không có

¹ Những người tham gia tố tụng cụ thể được quy định tại Điều 55 BLTTHS năm 2015

yêu cầu thì trách nhiệm thông báo không được đặt ra (khoản 1 Điều 158). Ở đây, bất kỳ người tham gia tố tụng nào cũng có quyền yêu cầu và cơ quan đã trưng cầu phải thông báo nội dung kết luận giám định cho họ. Khác với BLTTHS năm 2003, BLTTHS năm 2015 theo hướng cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thông báo đúng thời hạn kết luận giám định cho bị can, bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác *có liên quan* (người tham gia tố tụng không liên quan đến kết luận giám định thì không phải thông báo), kể cả khi họ không có yêu cầu (khoản 2 Điều 214). Quy định của BLTTHS năm 2015 là thuyết phục, bảo đảm cho bị can, bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác có liên quan thực hiện tốt quyền bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

(iii) BLTTHS năm 2003 quy định bị can, những người tham gia tố tụng khác được trình bày những ý kiến của mình về kết luận giám định, yêu cầu giám định bổ sung hoặc giám định lại. Những việc này được ghi vào biên bản (khoản 1 Điều 158). Quy định này chỉ hợp lý khi bị can, người tham gia tố tụng khác trình bày trực tiếp với cơ quan tiến hành tố tụng mà không hợp lý trong trường hợp bị can, người tham gia tố tụng trình bày ý kiến của mình bằng văn bản và gửi văn bản này cho cơ quan tiến hành tố tụng. Chính vì vậy, BLTTHS năm 2015 tại khoản 3 Điều 214 đã sửa đổi, bổ sung như sau: *“Bị can, bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác có quyền trình bày ý kiến của mình về kết luận giám định; đề nghị giám định bổ sung hoặc giám định lại. Trường hợp họ trình bày trực tiếp thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải lập biên bản.”*. Ở đây, BLTTHS năm

2015 quy định Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án chỉ phải lập biên bản khi bị can, bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác trình bày ý kiến trực tiếp.

(iv) BLTTHS năm 2003 quy định trường hợp Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát không chấp nhận yêu cầu của bị can, những người tham gia tố tụng khác thì phải nêu rõ lý do và thông báo cho họ biết (khoản 2 Điều 158). Ở đây, cơ quan có trách nhiệm thông báo chỉ gồm Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và không rõ việc thông báo bằng hình thức nào. So với BLTTHS năm 2003, BLTTHS năm 2015 bổ sung trách nhiệm của Tòa án trong việc thông báo cho bị can, bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác về việc không chấp nhận đề nghị của họ và việc thông báo phải bằng văn bản (khoản 4 Điều 214).

Tuy nhiên, việc BLTTHS năm 2015 chỉ đặt ra trách nhiệm thông báo của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án là chưa đầy đủ, vì khoản 1 Điều 214 BLTTHS năm 2015 quy định trách nhiệm xem xét đề nghị trưng cầu giám định của bị can, bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác cho cả cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

Tóm lại, BLTTHS năm 2015 đã có nhiều sửa đổi, bổ sung quan trọng liên quan đến chế định giám định, đáp ứng yêu cầu hoàn thiện chế định giám định tư pháp được thể hiện trong Nghị quyết của Đảng, khắc phục những tồn tại, vướng mắc qua thực tiễn thi hành BLTTHS năm 2003, góp phần hiệu quả vào công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm trong thời gian tới./.